TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2018
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Hoa

2. Bà Võ Thị Thúy An

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện Vĩnh T, tỉnh K (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh K (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện Vĩnh T, tỉnh K (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh L kết hôn năm 2015, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc

nên chị Th về nhà cha ruột ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Chị Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đông T, giới tính nam, sinh ngày 25/9/2015, từ khi ly thân đến nay chị Th là người trực tiếp nuôi con, chị Th yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Th xác định vợ chồng thiếu nợ ông Nguyễn Văn S (cha ruột chị Th) số vàng là 05 chỉ 24k 98%, chị Th yêu cầu chia đôi số nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh L vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh L không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày: Vào khoản 3 năm 2017 ông có cho vợ chồng Th và L mượn 10 chỉ vàng 24k 98%, khoản 06 ngày sau thì trả đủ số vàng trên cho ông. Khoản tháng 4/2017 ông cho vợ chồng Th và L cho mượn tiếp là 15 chỉ 24k 98% và 13.000.000đ (do L trực tiếp nhận). Khoản một tháng sau tháng 5/2017 vợ chồng đã trả cho ông 10 chỉ vàng 24k 98% và số tiền 13.000.000đ, đến nay còn nợ 05 chỉ vàng 24k 98% chưa trả. Đối với số nợ này ông không yêu cầu khởi kiện đòi nợ trong vụ kiện ly hôn này để tự thỏa thuận với chị Th và anh L, nếu có tranh chấp ông sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh

L là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Thanh L. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu Nguyễn Đông T, giới tính nam, sinh ngày 25/9/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung chị Th xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung chị Th cho rằng thiếu nợ ông S 05 chỉ vàng 24k 98%, yêu cầu chia đôi số nợ, tuy nhiên ông S không yêu cầu trong vụ án này nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị Th yêu cầu ly hôn với bị đơn anh L và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Năm 2013, anh L và chị Th cưới nhau theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".

Như vậy pháp luật không công nhận là quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh L. Giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Th, anh L. Theo đó, giữa anh và chị không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Đông T, giới tính nam, sinh ngày 25/9/2016, cháu T đang sống chung với chị Th, chị yêu cầu nuôi con. Thấy rằng từ khi ly thân tháng 12/2017 đến nay cháu T sống chung với chị Th, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị Th là người trực tiếp nuôi cháu T, cuộc sống của con được đảm bảo, có chính quyền địa phương xác nhận nên chị Th có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Nguyễn Đông T, giới tính nam, sinh ngày 25/9/2016 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung:* Chị Th xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] *Về nợ chung:* Chị Th cho rằng vợ chồng thiếu nợ ông Nguyễn Văn S (cha ruột chị Th) 05 chỉ vàng 24k 98%, chị yêu cầu chia đôi số nợ, tuy nhiên ông S không yêu cầu gì trong vụ kiện này, sau này ông sẽ khởi kiện tranh chấp sau thành vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đông T, giới tính nam, sinh ngày 25/9/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng (cháu T đang chung sống với chị Th), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có. Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc Th chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 005573 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2018). Bị đơn anh Nguyễn Thanh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng